Bài Thứ 20 - Dạng Thức Biến Thể Thứ 3 (phần 2)

Đây là phần đầu tiên của dạng thức biến thể thứ 3 ; và cũng là phần trọng yếu, nhưng anh chị sẽ thấy không hẳn là khó hiểu, tuy bên ngoài trông rất thách thức. Anh chị sẽ nhận thấy là khi anh chị hiểu biết về quy tắc biến thể các danh từ giống đực /giống cái, các phần còn lại của ngữ pháp Hy-lạp sẽ rất dễ đối với anh chị.

Dạng thức biến thể thứ 3 : các chủ đề mang tính phụ âm

Các danh từ giống đực và giống cái kết thúc với một -ς

Một nguyên tắc duy nhất ở đây : để biến thể danh từ, chúng ta chỉ cần biết **danh cách** và **thuộc cách** ở số ít của danh từ đó.

	ὁ κόραξ, -ακος *con quạ*		**ὁ Ἕλλην, -ηνος** *người Hy-lạp, Hy-lạp ngữ*		**ὁ ποιμήν, -ένος** *người chăn chiên*	
[dc] SỐ ÍT	ὁ	κόραξ	ὁ	Ἕλλην	ὁ	ποιμήν
[ht]		κόραξ		Ἕλλην		ποιμέν
[đc]	τὸν	κόρακα	τὸν	Ἕλληνα	τὸν	ποιμένα
[tc]	τοῦ	κόρακος	τοῦ	Ἕλληνος	τοῦ	ποιμένος
[tgc]	τῷ	κόρακι	τῷ	Ἕλληνι	τῷ	ποιμένι
[dc] SỐ NHIỀU	οἱ	κόρακες	οἱ	Ἕλληνες	οἱ	ποιμένες
[hc]		κόρακες		Ἕλληνες		ποιμένες
[đc]	τοὺς	κόρακας	τοὺς	Ἕλληνας	τοὺς	ποιμένας
[tc]	τῶν	κοράκων	τῶν	Ἑλλήνων	τῶν	ποιμένων
[tgc]	τοῖς	κόραξι[ν]	τοῖς	Ἕλλησι[ν]	τοῖς	ποιμέσι[ν]

LƯU Ý:

- **Nhắc lại** : danh cách kết thúc với
  - một **ς** (hay một mẫu tự bao gồm chữ này với: ψ, ξ),
  - Hay bởi một âm tiết với nguyên âm dài thì âm tiết này ***sẽ được kéo dài*** nếu là ngắn trong mệnh đề
- Nếu nguyên âm cuối của danh cách số ít **dài hơn** nguyên âm của mệnh đề thì nguyên âm này sẽ trở nên ngắn trở lại ở dạng thứ hô cách.

NHẮC LẠI :

- Việc thêm âm tiết -σιν ở mệnh đề sẽ tác động **nhiều thay đổi về mặt chính tả** theo hệ âm nhạc hài âm (euphonique); như thế κόρακ + σιν sẽ đem đến κόραξιν, ἕλλην + σιν sẽ đem đến ἕλλησιν
- Ở trường hợp **tặng cách ở số nhiều**, **ν** cuối có thể được bỏ đi trước một phụ âm.
- Ngoại trừ thuộc cách ở số nhiều, tất cả các vĩ tố của từ đều là ngắn và các quy tắc đặt dấu đều tương tự như các dạng thức biến thể khác.
- Không có sự khác biệt giữa g**iống đực và giống cái.**

Nhắc lại : giải pháp duy nhất để đừng nhầm lẫn là học một từ với danh cách và thuộc cách của từ này...

Các danh từ ở giống trung với mệnh đề mang tính phụ âm

2 khác biệt duy nhất với các danh từ ở giống đực và giống cái :

- Khi mệnh đề kết thúc với một **τ**, thì sẽ rơi vào trường hợp [dc]/[hc]/ [đc] số ít,
- Dấu sẽ lùi lại càng xa càng tốt

	τὸ πνεῦμα, -τος *thần linh, hơi thở, sinh khí*		**τὸ ὄνομα, -ατος** *tên (danh xưng)*		**ὕδωρ, -ατος** *nước* [hydrique]	
[dc] SỐ ÍT	τὸ	πνεῦμα	τὸ	ὄνομα	τὸ	ὕδωρ
[hc]		πνεῦμα		ὄνομα		ὕδωρ
[đc]	τὸ	πνεῦμα	τὸ	ὄνομα	τὸ	ὕδωρ
[tc]	τοῦ	πνεύματος	τοῦ	ὀνόματος	τοῦ	ὕδατος
[tgc]	τῷ	πνεύματι	τῷ	ὀνόματι	τῷ	ὕδατι

[dc] SỐ NHIỀU	τὰ	πνεύματα	τὰ	ὀνόματα	τὰ	ὕδατα
[hc]		πνεύματα		ὀνόματα		ὕδατα
[đc]	τὰ	πνεύματα	τὰ	ὀνόματα	τὰ	ὕδατα
[tc]	τῶν	πνευμάτων	τῶν	ὀνομάτων	τῶν	ὑδάτων
[tgc]	τοῖς	πνεύμασι[ν]	τοῖς	ὀνόμασι[ν]	τοῖς	ὕδασι[ν]

Các danh từ ở giống trung rất thông dụng trong các quyển Phúc Âm, nhưng khi chúng ta học được nguyên lý biến thể danh từ ở giống đực và giống cái thì các danh từ giống trung này trở nên rất dễ hiểu...

Các danh từ với một âm tiết duy nhất

Khi một danh từ - ở giống đực, giống cái hay giống trung với một âm tiết duy nhất ở dạng thức danh cách, dấu vẫn được duy trì trên âm tiết này nhưng không như ở các dạng thức [dc]/[hc]/[đc]. Dấu sẽ được đặt trên âm tiết cuối cùng ở thuộc cách và tặng cách. Tuy nhiên, anh chị hãy xem kỹ các dạng thức biến thể sau đây.

	ἡ σάρξ, σαρκός *xác thịt*		**ὁ/ἡ παῖς, παιδός** *đứa trẻ, người tôi tớ*		**τὸ φῶς, φωτός** *ánh sáng*	
[dc] SỐ ÍT	ἡ	σάρξ	ὁ/ἡ	παῖς	τὸ	φῶς
[hc]		σάρξ		παῖς		φῶς
[đc]	τὴν	σάρκα	τὸν	παῖδα	τὸν	φῶς
[tc]	τῆς	σαρκός	τοῦ	παιδός	τοῦ	φωτός
[tgc]	τῇ	σαρκί	τῷ	παιδί	τῷ	φωτί

[dc] SỐ NHIỀU	αἱ	σάρκες	οἱ/αἱ	παῖδες	τὰ	φῶτα
[hc]		σάρκες		παῖδες		φῶτα
[đc]	τὰς	σάρκας	τοὺς	παῖδας	τὰ	φῶτα
[tc]	τῶν	σαρκῶν	τῶν	παῖδων	τῶν	φωτῶν
[tgc]	ταῖς	σαρξί[ν]	τοῖς	παισί[ν]	τοῖς	φωσί[ν]

Anh chị có thấy gì không ? παῖδων et φωτῶν là những ngoại lệ đối quy tắc đặt dấu trên vĩ tố của từ ở dạng thức thuộc cách số nhiều! Vậy thì một học viên khôn ngoan sẽ làm gì ? Anh (chị) ấy sẽ tự nhắc lại là chủ đích của minh là phiên dịch từ Hy-lạp ngữ sang Việt ngữ và anh (chị) ấy phải nhận biết được các dạng thức... Và như thế anh (chị) ấy sẽ yên tâm ngủ ngon.

Từ vựng

ὁ αἰών, αἰῶνος	thế kỷ, sự vĩnh hằng, sự vĩnh cửu	ἡ ἐλπίς, ἐλπίδος	niềm hy vọng
ὁ μάρτυς, μάρτυρος	nhân chứng [*martyr*]	ἡ νύξ, νυκτός	ban đêm
ὁ/ἡ παῖς, παιδός	đứa trẻ [*pédagogue*]	ἡ χάρις, χάριτος	ân điển [*charisme*]
ὁ ποιμήν, ποιμένος	người chăn chiên	τὸ πῦρ, πυρός	lửa [*pyrotechnique*]
ὁ σωτήρ, σωτῆρος	cứu nhân (người giải cứu)	τὸ ὕδωρ, ὕδατος	nước [*hydrique*]